

Bản án số: 160/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06-8- 2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trần Văn Bình

2. bà Trần Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2026/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Quang V, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Quang V:

+ Công ty L1.

- Người đại diện theo pháp luật: bà Luân Thị N - Chức vụ giám đốc công ty.

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: số A T, phường H, thành phố Hà Nội (là nhân viên pháp lý của công ty L1).

2. Bị đơn: anh Trần Đình B, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

(chị V, anh B và chị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Quang V trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh **Trần Đình B** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2013 tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào cuối năm 2025, vợ chồng không khắc phục được, đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về nuôi con chung: chị và anh **B** có 02 con chung là **Trần Nguyễn Tùng L**, sinh ngày 12-7-2014 và **Trần Nguyễn Tuệ A**, sinh ngày 13-3-2020. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Tuệ A**, nhường anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Tùng L**, đôi bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh **Trần Đình B** trình bày:*

Về hôn nhân: anh và chị **Nguyễn Quang V** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 17/5/2013 tại trụ sở **UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, trong cuộc sống có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 02 năm 2026, vợ chồng không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2026 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh đã nhắn tin, gọi điện động viên chị **V** để đoàn tụ nhưng chị **V** không hợp tác. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị **V** vẫn cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: anh và chị **V** có 02 con chung là **Trần Nguyễn Tùng L**, sinh ngày 12-7-2014 và **Trần Nguyễn Tuệ A**, sinh ngày 13-3-2020. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Tùng L**, nhường chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Tuệ A**, đôi bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai cháu **Trần Nguyễn Tùng L** trình bày:* cháu là con chung của bố Báo và mẹ **V**. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở cùng bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm

phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **V** và anh **B** thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Quang V** và anh **Trần Đình B**. Về nuôi con chung: xử giao cho chị **Nguyễn Quang V** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Nguyễn Tuệ A**, sinh ngày 13-3-2020; xử giao cho anh **Trần Đình B** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Nguyễn Tùng L**, sinh ngày 12-7-2014. Chị **V** và anh **B** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: chị **Nguyễn Quang V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: chị **Nguyễn Quang V** khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh **Trần Đình B**, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

[2] *Về hôn nhân*: chị **Nguyễn Quang V** kết hôn với chị anh **Trần Đình B** tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2013 tại trụ sở **UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên)**, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị **V** và anh **B** không khắc phục được đã sống ly thân từ cuối năm 2025 đến nay. HĐXX thấy chị **V** và anh **B** mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh **B** đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh **B** không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị **V**, xử cho chị **V** được ly hôn anh **B** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị **V** và anh **B** có 02 con chung là **Trần Nguyễn Tùng L**, sinh ngày 12-7-2014 và **Trần Nguyễn Tuệ A**, sinh ngày 13-3-2020; chị **V** và anh **B** có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con chung nếu ly hôn; cháu **L** có nguyện vọng ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. HĐXX thấy để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho các con chung cần giao cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Tuệ A**, anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Tùng Lâm**, chị **V** và anh **B** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: chị **V** và anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị **V** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Quang V** và anh **Trần Đình B**.

2. *Về nuôi con chung*: xử giao cho chị **Nguyễn Quang V** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Nguyễn Tuệ A**, sinh ngày 13-3-2020; xử giao cho anh **Trần Đình B** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Nguyễn Tùng L**, sinh ngày 12-7-2014. Chị **V** và anh **B** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị **V** và anh **B** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: chị **Nguyễn Quang V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **V** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003084 ngày 09/6/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị **V** đã nộp đủ).

5. *Về quyền kháng cáo*: chị **Nguyễn Quang V** và anh **Trần Đình B** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thủy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 8;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Thần Khê;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

Nguyễn Bích Thủy

